

10. XÃ KHÁNH LÂM

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tuyến lộ U Minh-Khánh Hội	Kênh Chệt Tùng	Đê Biển Tây	1.800
2	Tuyến sông kênh Hội	Đê Biển Tây (Kênh Hội, bờ Nam)	Kênh Chệt Tùng	1.400
3	Tuyến sông Khánh Hội	Đê biển Tây (Kênh Hội, Bờ Bắc)	Kênh Cầu Ván	1.130
4	Kênh Chệt Tùng	Đầu kênh Chệt Tùng, bờ Tây	Ngã ba cầu Tư Đại	540
5	Kênh Chệt Tùng	Ngã ba cầu Tư Đại	Đập ông Chín Thống	560
6	Kênh xáng Mới	Lộ xe U Minh Khánh Hội (Bờ Đông)	Giáp huyện Trần Văn Thời	820
7	Kênh xáng Mới	Lộ xe U Minh Khánh Hội (Bờ Tây)	Kênh 92	720
8	Kênh xáng Mới	Kênh 92, bờ Tây	Giáp huyện Trần Văn Thời	610
9	Đê Biển Tây, hướng Đông	Ranh đất ông Lâm Văn Thường	Giáp Trần Văn Thời (Kéo dài)	610
10	Tuyến T29 (Bờ Bắc)	Đê Biển Tây	Cầu Khai Hoang	430
11	Kênh đê Biển Tây, bờ Đông	Đồn Biên Phòng	Cổng Lung Ranh	610
12	Kênh Cầu Ván, bờ Tây	Đầu kênh Cầu Ván	Vàm Mũi Đước	430
13	Kênh Cầu Ván, bờ Tây	Ngã ba Mũi Đước	Cổng Lung Ranh	560
14	Tuyến Lung Lá - Mũi Đước	Đất nhà ông Năm Ân	Hết ranh đất nhà ông Tám Thống	240
15	Dón Dài (Bờ Bắc) - Kênh tập đoàn (Bờ Nam)	Đầu kênh Dón Dài	Hết kênh Dón Dài	290

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
16	Tuyến Lung Lá - Lung Ranh	Ranh đất nhà ông 8 Thống (Kênh 26/3 bờ Tây)	Đất bà Nguyễn Thị Hà	230
17	Tuyến Kênh giữa 500	Tuyến T29	Tuyến T25	230
18	Tuyến tái định cư Lung Ranh			230
19	Bờ Tây sông Cái Tàu	Bờ Bắc bà Y	Giáp ranh thị trấn	360
20	Bờ Tây sông Cái Tàu	Rạch Rọi, bờ Bắc	Bờ Nam Bà Y	520
21	Dọc theo tuyến lộ xe U Minh - Cà Mau	Rạch Nàng Chằng	Kênh Năm Làng	800
22	Dọc theo tuyến lộ xe U Minh - Cà Mau	Kênh Năm Làng	Giáp thị trấn	870
23	Kênh Khai Hoang	Bờ Bắc Khai Hoang (Sông Cái Tàu)	Lộ xe U Minh - Cà Mau	280
24	Rạch Phó Nguyễn	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau, bờ Bắc	Sông Cái Tàu	280
25	Rạch Phó Nguyễn	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau, bờ Nam	Sông Cái Tàu	300
26	Rạch Hàng (Bờ Nam)	Sông Cái Tàu	Lộ xe U Minh – Cà Mau	240
27	Kênh 35 (Bờ Bắc)	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	Giáp lộ kênh 96	240
28	Bắc kênh ông Mụn	Sông Cái Tàu	Lộ xe U Minh - Cà Mau	230
29	Nam Kênh Ông Quảng	Sông Cái Tàu	Lộ xe U Minh - Cà Mau	280
30	Nam Chệt Tái	Sông Cái Tàu	Lộ xe U Minh - Cà Mau	280
31	Bắc Rạch Ổ Ó	Sông Cái Tàu	Lộ xe U Minh - Cà Mau	230
32	Tuyến lộ xe U Minh – Khánh Hội	Kênh Cây Bàng	Kênh Chệt Tùng	1.600

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
33	Kênh Chệt Tùng	Đầu kênh Chệt Tùng, bờ Đông	Đập Chín Thống	240
34	Bờ Đông kênh Sáu Tiến - Đội 1	Đầu lộ xe (Cổng kênh Sáu Tiến)	Cầu kênh Dón Hàng Gòn (Đầu kênh)	490
35	Bờ Đông kênh Sáu Tiến - Đội 1	Đầu kênh Dón Hàng Gòn	Đội 1	300
36	Bờ Đông kênh Sáu Tiến - Đội 1	Đầu lộ xe (Cổng kênh Sáu Tiến)	Cầu kênh Dón Hàng Gòn (Đầu kênh)	380
37	Bờ tây kênh Sáu Tiến – Đội 1	Cầu kênh Dón Hàng Gòn (Đầu kênh)	Đội 1	430
38	Tuyến kênh 89	Bờ Tây (Đội 1 -đầu lộ nhựa)	Giáp tuyến kênh 29	300
39	Tuyến kênh 89	Bờ Đông (Đội 1 - đầu lộ đất)	Giáp tuyến kênh 29	230
40	Bờ nam kênh 29	Tuyến 93 (Giáp xã Khánh An)	Tuyến 84 (Giáp xã Khánh Hội)	280
41	Kênh Dón Hàng Gòn - Kênh Đứng	Cầu 6 Kham, bờ Nam	Kênh Đứng, bờ Tây	300
42	Kênh Dón Hàng Gòn - Kênh Đứng	Cầu Dón Hàng Gòn, bờ Bắc	Kênh Đứng, bờ Tây	230
43	Kênh Mười Quân	Đầu kênh Mười Quân, bờ Tây	Giáp kênh Dón Hàng Gòn	230
44	Kênh Bà Mụ	Đầu kênh Bà Mụ, bờ Tây	Giáp kênh Dón Hàng Gòn	230
45	Tuyến kênh Nước Phèn - 10 Quân (Bờ Nam)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Mười Quân, bờ Đông	200
46	Tuyến kênh Nước Phèn - 10 Quân (Bờ Bắc)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Mười Quân, bờ Đông	230
47	Kênh Biện Nhị (Bờ Nam)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Chệt Tùng, bờ Đông	240
48	Kênh 8 Đức (Bờ Nam)	Ranh đất ông Lư Hoàng Bi	Giáp kênh Chệt Tùng (Bờ Đông)	210

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
49	Kênh bờ bao (Bờ Nam)	Kênh 93	Kênh 90	200
50	Kênh bờ bao (Bờ Bắc)	Kênh Đứng (Bờ Tây)	Cống 2 Mây	200
51	Đê quay cống Biện Nhị (Bờ Nam)	Cống Biện Nhị	Đê Biển Tây	1.130
52	Tuyến Bờ đông Kênh Dớn Dài	Kênh Chệt Tùng	Kênh Thủy Lợi	240
53	Tuyến Bờ Nam Kênh Tư Đại - Bờ Nam kênh Cựa Gà	Kênh Chệt Tùng	kênh 92	240
54	Tuyến Bờ Đông kênh Cựa Gà 500	Kênh T29	Kênh T25	230
55	Tuyến Bờ Bắc Kênh 8 Đức	Ranh đất ông Kiều Dồn Tuấn	Kênh Chệt Tùng (bờ Đông)	200
56	Tuyến Bờ Nam Kênh Lung Chùa	Bờ Tây kênh 6 Tiếng	Bờ đông kênh Chệt Tùng	200
57	Tuyến Bờ Bắc Kênh Lung Chùa	Bờ Tây kênh 6 Tiếng	Bờ đông kênh Chệt Tùng	200
58	Tuyến kênh 29	kênh 29 (bờ bắc)	kênh 500 (bờ nam)	350
59	Ngã 3 cầu Khánh Lâm	Đầu lộ U Minh - Khánh Hội (bờ bắc)	kênh Biện Nhị (bờ nam)	350
60	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ ≤ 2m			220
61	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			250
62	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 3m			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180